

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-ST
Ngày: 29-06-2022
V/v tranh chấp tiền hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Chính;
Ông Nguyễn Quốc Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Tiền hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 05 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 119/2022/QĐ-ST ngày 08 tháng 6 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Hồng Đ, sinh năm: 1978; địa chỉ: Ấp Kinh 17, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng).

Bị đơn: Ông Đinh Xuân H, sinh năm: 1967; địa chỉ: Ấp Kinh 17, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1976; địa chỉ: Ấp Kinh 17, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 01 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Hồng Đ trình bày yêu cầu khởi kiện:

Bà Huỳnh Hồng Đ là chủ hụi, vợ chồng ông Đinh Xuân H, bà Nguyễn Thị Q là hụi viên, loại hụi bỏ thăm cao được hốt, chủ hụi có hưởng tiền cò (hoa hồng), cụ thể:

- Dây 1, mở ngày 18/02/2020 âm lịch, loại hụi 5.000.000 đồng, có 25 chân, một tháng khui một lần, vợ chồng ông H vô 01 chân, hốt kỳ đầu tiên. Sau khi hốt hụi không đóng hụi chết, còn nợ 07 kỳ hụi là 5.000.000 đồng/kỳ x 07 kỳ = 35.000.000 đồng.

- Dây 2, mở ngày 10/8/2020 âm lịch, loại hụi 3.000.000 đồng, có 30 chân, một tháng khui một lần, vợ chồng ông H vô 02 chân, đã hốt 01 chân vào kỳ thứ tư. Sau khi hốt hụi đóng đến kỳ thứ 12 thì ngưng, nợ 18 kỳ hụi chết là 54.000.000 đồng.

Dây hụi này có nuôi sống 01 chân, đóng 12 kỳ tính theo giá trị đầu hụi là 3.000.000 đồng/kỳ x 12 kỳ = 36.000.000 đồng.

Sau khi vợ chồng ông H tuyên bố bế hụi, thì đôi bên có đến chính quyền hòa giải, chốt nợ thì vợ chồng ông H còn nợ bà Đ 53.000.000 đồng. Do vợ chồng ông H không có kế hoạch trả nợ, bà Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền hụi còn nợ 53.000.000 đồng.

Về lãi suất không yêu cầu.

Bị đơn ông Đinh Xuân H, bà Nguyễn Thị Q: Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định đương sự không có văn bản trả lời về vụ việc; Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho đương sự hai lần nhưng đương sự vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Các đương sự vắng mặt nên không có ý kiến khác.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Đ, buộc vợ chồng ông H và bà Q thanh toán cho bà Đ tiền hụi 53.000.000 đồng.

Án phí vợ chồng ông H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, bà Huỳnh Hồng Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận.

Nguyên đơn khởi kiện ghi đúng nơi cư trú của bị đơn ông Đinh Xuân H, bà Nguyễn Thị Q. Trước khi Tòa án thụ lý vụ án bị đơn đã thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện do đó Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án niêm yết công khai giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Đinh Xuân H và bà Nguyễn Thị Q.

Nguyên đơn xác định, việc vợ chồng ông H và bà Q nợ tiền hui là tranh chấp dân sự, nên yêu cầu giải quyết theo Tố tụng dân sự. Xét thấy, khoảng tiền nợ hui đôi bên đã chốt nợ với nhau và đương sự không yêu cầu gì khác ngoài việc yêu cầu hoàn trả tiền hui, do đó Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự là có cơ sở.

Về nội dung:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

Bà Huỳnh Hồng Đ khởi kiện vợ chồng ông Đinh Xuân H và bà Nguyễn Thị Q yêu cầu thanh toán tiền hui. Quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp tiền hui”.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Bà Đ khởi kiện vợ chồng ông H vô hui, hốt hui không đóng lại hui chết cho bà, mỗi kỳ khui hui bà phải trả hui, việc không đóng hui chết của vợ chồng ông H làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà Đ nên có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

[3] Xét yêu cầu của bà Đ về việc yêu cầu vợ chồng bà Q thanh toán tiền nợ hui. Thấy rằng:

- Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án bị đơn không phản đối yêu cầu của nguyên đơn;

- Tại biên bản hòa giải của tổ Hòa giải ấp Kinh 17, xã T thể hiện: Vợ chồng ông H thừa nhận có nợ hui bà Đ 53.000.000 đồng.

- Tòa án có xác minh thành viên tổ hòa giải, các vị này khẳng định khi hòa giải vợ chồng ông H thừa nhận có nợ đúng số tiền trong biên bản hòa giải và chữ ký trong biên bản hòa giải tại địa phương là của vợ chồng ông H (bút lục số

50, 51).

Từ những lý do trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc vợ chồng ông H có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền hụi còn nợ 53.000.000 đồng cho bà Đ.

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án vợ chồng ông H chậm thanh toán tiền còn phải liên đới chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] *Về án phí:*

Yêu cầu của bà Đ được chấp nhận toàn bộ nên vợ chồng ông Đinh Xuân H phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của bà Đ trên tổng số tiền phải thanh toán là $53.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.650.000 \text{ đồng}$.

Bà Đ không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

Ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phưởng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Hồng Đ đối với vợ chồng ông Đinh Xuân H, bà Nguyễn Thị Q về việc yêu cầu thanh toán tiền nợ hụi.

- Buộc ông Đinh Xuân H, bà Nguyễn Thị Q liên đới thanh toán tiền hụi cho bà Huỳnh Hồng Đ 53.000.000 đồng (Năm mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng ông H, bà Q chậm thanh toán tiền thì phải liên đới chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả đối với số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông H và bà Q chịu 2.650.000 đồng.

Bà Huỳnh Hồng Đ không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí 1.325.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015388 ngày 18/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính